

# CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI - VIỆC LÀM NAM DƯƠNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI - VIỆC LÀM NAM DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM DUONG JOB INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADE PROMOTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NAM DUONG JICT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 1301034558

3. Ngày thành lập: 31/07/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 10, ấp 5 (thửa đất số 958, tờ bản đồ số 03), Xã An Khánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0899028171

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                   | 0810        |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                         | 4210        |
| 3.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                  | 5224        |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                        | 4290        |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                               | 4651        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                              | 5221        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Giao nhận hàng hóa, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Môi giới thuê tàu biển và máy bay | 5229        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                      | 4220        |
| 9.  | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Đào tạo nghề                                                                                                                    | 8532        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                         | 5222        |
| 11. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                        | 7820        |
| 12. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                | 4652        |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất                                                                                   | 7410        |
| 14. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                               | 7730        |
| 15. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                             | 4100(Chính) |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                  | 4932        |

|     |                                                                                                                                                                                  |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 17. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt thép (trừ bán buôn vàng miếng)                                                                                     | 4662                                                         |
| 18. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm        | 7810                                                         |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                | 4312                                                         |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                          | 4663                                                         |
| 21. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                          | 5012                                                         |
| 22. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                              | 5022                                                         |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa                                                                                                                        | 5210                                                         |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                   | 4933                                                         |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                           | 4311                                                         |
| 26. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô                                                                                                                             | 7710                                                         |
| 27. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                            | 5021                                                         |
| 28. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                    | 7830                                                         |
| 29. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                        | 8230                                                         |
| 30. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 7.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VÕ THỊ PHƯỢNG    | Ấp Bình Thới 3, Xã Bình Thới, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                 | 3.850.000.000         | 55,000    | 321353295                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN HOÀNG | Khóm 3, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam                       | 3.150.000.000         | 45,000    | 341387061                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VÕ THỊ PHƯỢNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *02/09/1972*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *321353295*

Ngày cấp: *05/11/2011*

Nơi cấp: *Công an Bến Tre*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp Bình Thới 3, Xã Bình Thới, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ấp Bình Thới 3, Xã Bình Thới, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre*